

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM**

Đoàn Thị Mỹ Hương

**TRÍ TUỆ TẠO HÌNH CỦA NGƯỜI VIỆT
QUA TƯỢNG QUÁN THẾ ÂM NGHÌN MẮT NGHÌN TAY
THẾ KỶ XV - XVIII (VÙNG CHÂU THỔ SÔNG HỒNG)**

CHUYÊN NGÀNH : LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

MÃ SỐ : 62 21 20 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGHỆ THUẬT

HÀ NỘI - 2010

Công trình được hoàn thành tại: **VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM**
BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS NGUYỄN QUỐC HÙNG**

Phản biện 1 : PGS. NGUYỄN XUÂN THÀNH
Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

Phản biện 2 : PGS.TS TRƯƠNG QUỐC BÌNH
Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

Phản biện 3 : PGS.TS LÊ BÁ DŨNG
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước tại :
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM, 32 Hà Nam, Hà Nội
Vào hồi 14 giờ 00 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Mỗi một nền văn hóa đều có những hình mẫu riêng, phản ánh các giá trị truyền thống, giá trị thẩm mỹ và lối sống, giúp ta xác định được quan niệm, đặc điểm tư duy và trí tuệ của một dân tộc. Các giá trị đó được tích lọc, lưu truyền qua nhiều thế hệ, hình thành một tiềm năng trí tuệ- trí tuệ tiềm ẩn trong mỗi con người. Sự gạn lọc tinh hoa nhân loại ấy được phản ánh trong các nền văn hóa truyền thống, phản ánh cuộc sống, với những quy luật, xu hướng, phong cách riêng chi phối sự phát triển của cả một xã hội, một dân tộc, một quốc gia.

Mỹ thuật tôn giáo là nghệ thuật truyền tải giáo lý thông qua các hình ảnh cụ thể như: tượng, phù điêu, tranh tường, tranh thờ... đại diện cho nền nghệ thuật tạo hình (NTTH), là biểu trưng cho nghệ thuật tinh tại, mà ở Việt Nam vẫn được gọi là điêu khắc dân gian truyền thống.

1.1. Mỹ thuật tôn giáo đặc trưng ở tính chất biểu tượng, dựa vào các ký hiệu để chuyển tải thông điệp nội tại thông qua hình tượng nghệ thuật. Có thể nói đây là một chu trình của sự sáng tạo: Ý (ý niệm) - TƯỢNG (tưởng tượng) – HÌNH (năng lực tư duy, thẩm mỹ). Nhờ chức năng phản ánh các giá trị văn hóa truyền thống, giá trị thẩm mỹ, lối sống, quan niệm, đặc điểm tư duy và trí tuệ của một dân tộc, phản ánh xã hội đương thời, giá trị phục vụ nhân sinh... Nghệ thuật truyền thống thường mang giá trị đạo đức nhiều hơn khi gắn với Tôn giáo bởi nó vừa phục vụ giáo lý vừa là mối liên hệ giữa con người với vũ trụ “siêu hình”.

1.2. Về nền tảng cơ sở, nghệ thuật điêu khắc truyền thống người Việt thiên về Phật giáo do có vị trí địa lý trọng yếu, họ biết tận dụng lợi thế này để biến các dòng chảy (giao thủy) thành đường giao thông chính

chuyên chở, trao đổi và buôn bán hàng hóa. Có tổ chức xã hội riêng biệt, tính cộng đồng cao trong sinh hoạt, tư tưởng thiên về tâm linh cùng tư chất dung hòa, độ lượng nên Phật giáo nhanh chóng được “Việt hóa” và phát triển, chủ yếu thiên về giáo phái Đại thừa (quan niệm đại chúng, không phân biệt giai tầng), người tu hành tự chứng nghiệm thông qua hình ảnh cụ thể để giác ngộ.

1.3. Về đặc trưng, chùa làng Bắc Bộ có không gian dàn trải theo chiều rộng, nhỏ bé nhưng có sức hút riêng. Đây là nơi hội tụ của các sản phẩm điêu khắc Phật giáo, là chốn linh thiêng, giải thoát bởi nó kết nối con người với thế giới tâm linh nhờ hệ thống sắp đặt các tượng thờ, tạo một thế giới thu nhỏ có tác dụng phục vụ giáo lý nhà Phật rất hữu hiệu. Và chùa làng là “sợi dây kết nối” tín đồ với thế giới nội tâm.

1.4. Về nhận thức, giá trị biểu đạt của tượng Quán (Thê) Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay (QANMNT) là dạng thức rất kỳ lạ và khác biệt trong phong cách tạo hình, đa dạng, sinh động, nhưng không dễ thể hiện bởi tính chất đánh đố, độ khó của kỹ thuật, đòi hỏi người tạo tác phải có một kinh nghiệm, năng lực tư duy để vừa đáp ứng yêu cầu về nguyên tắc Phật giáo, đồng thời vẫn có sáng tạo trong vận dụng các ngôn ngữ tạo hình qua khả năng vận động của cảm xúc, tư duy trí tuệ, và thẩm mỹ tạo hình.

Dựa vào những lý do trên, qua thời gian nghiên cứu thực địa và phân tích tìm hiểu các tài liệu, tác giả chọn đề tài *Trí tuệ tạo hình của người Việt qua tượng Quán Thê Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay thế kỷ XV- XVIII (ở một số chùa vùng châu thổ sông Hồng)* làm luận án Tiến sỹ Nghệ thuật học. Thuật ngữ: *trí tuệ tạo hình* luận giải cho khả năng tư duy, sáng tạo về mặt tạo hình của nghệ nhân dân gian Việt, những người đã rất thành công trong tạo tác tượng QANMNT phù hợp với khả năng

và hoàn cảnh khách quan. Dù chỉ làm theo khuôn mẫu có trước (sao chép), dù thuộc về dân gian (không qua đào tạo bài bản), qua kinh nghiệm đúc kết, khi tạo tượng người nghệ nhân vẫn cần vận dụng đến trí tuệ, dạng “trí tuệ dân gian” để diễn đạt sự trừu tượng của tôn giáo, phản ánh tư duy linh hoạt, tính cách dễ thích ứng, thẩm mỹ và lối nhìn tổng hợp biện chứng trong lĩnh vực NTTH

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Đánh giá, nhận diện và tôn vinh trí tuệ về tạo hình trong nghệ thuật tạo hình truyền thống của người Việt

2.2. Tìm hiểu mối quan hệ giữa hình thức biểu đạt với ý nghĩa hệ biểu tượng Phật giáo

2.3. So sánh sự khác biệt và tương đồng của nghệ thuật tạo hình tượng QANMNT Tk XVI - XVIII ở Việt Nam với Trung Quốc và một số nước trong khu vực. Rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc thể hiện các tác phẩm tạo hình hiện tại.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là tượng QANMNT (những dạng thức Quan Âm nhiều hơn 2 tay)

3.2. Phạm vi vấn đề nghiên cứu: thuộc lĩnh vực NTTH- trí tuệ tạo hình tượng QANMNT- Khảo sát trong một số chùa tập trung gần lưu vực sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống... Thời gian: cuối Tk XV- XVIII

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận: xem xét việc tạo hình QANMNT như một hiện tượng lịch sử, luận án sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin.

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Luận án này sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Khảo sát và quan sát điền dã; Phân tích và tổng hợp;

So sánh đối chiếu; liên ngành văn hóa học với trọng tâm là phương pháp nghệ thuật học thiên về nghệ thuật tạo hình. Ngoài ra luận án còn sử dụng các phương pháp cụ thể như: thống kê, mô tả, diễn giải, chứng thực và giải mã ký hiệu

5. Đóng góp khoa học của luận án

5.1. Hệ thống hóa các tư liệu liên quan đến nghiên cứu về hình tượng Quan Âm Bồ Tát trong đạo Phật, đặc biệt là hình tượng QANMNT

5.2. Bằng nghiên cứu xu hướng vận động, biến đổi của tượng QANMNT theo không gian và thời gian, luận án tìm hiểu, phân loại, thống kê và đưa ra nhận định chung về đặc trưng phong cách tạo tác tượng QANMNT của người Việt từ thế kỷ XV- XVIII (khảo sát trên 16 chùa và gần 20 tượng Quan Âm cùng thể loại)

5.3. Làm rõ những biểu hiện của trí tuệ tạo hình trong nghệ thuật tạc tượng QANMNT. Lý giải bản chất, nội dung, qui trình, hình thức biểu đạt về tư duy tạo hình, thẩm mỹ tạo hình của nghệ nhân dân gian và ý nghĩa hệ biểu tượng Phật giáo

5.4. Nghiên cứu, diễn giải về tư duy phương Đông để tìm ra sự tương đồng, khác biệt về phong cách tạo tượng QANMNT Việt với một số nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á và nghệ thuật Chăm pa. Góp phần bảo tồn các làng nghề thủ công truyền thống (tạc tượng Phật giáo, tượng Quan Âm)

6. Bố cục của luận án: luận án chia hai phần: chính văn 230 trang và phụ lục 124 trang. Ngoài phần mở đầu 13 trang, kết luận 4 trang và tài liệu tham khảo 11 trang, nội dung của luận án gồm 3 chương 165 trang:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát trong Phật giáo và nghệ thuật tạo hình

(42trang)

- Chương 2. Phật giáo Việt và các phong cách thể hiện tượng QANMNT Tk XV- XVIII trong một số ngôi chùa thuộc châu thổ sông Hồng (52trang)
- Chương 3. Tư duy tạo hình, thẩm mỹ tạo hình và hệ biểu tượng Phật giáo trong phong cách tạo tượng QANMNT của người Việt Tk XV- XVIII (71trang)

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ HÌNH TƯỢNG QUAN ÂM BỒ TÁT TRONG PHẬT GIÁO VÀ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

1.1. Lịch sử nghiên cứu đề tài

Các công trình viết về hình tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay (QANMNT) có khối lượng tác phẩm nghiên cứu khá đồ sộ. Tổng hợp các tài liệu trong phạm vi khai thác được, luận án nhận thấy công trình Việt Nam hay nước ngoài dù đồ sộ, hay chỉ là các bài viết, công trình nghiên cứu chuyên biệt... hầu hết đều tiếp cận theo hướng liên ngành kết hợp tôn giáo với khoa học, triết học, lịch sử văn hóa và nghệ thuật.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về hình tượng Quan Âm với tư cách là một hình tượng tôn giáo: Các công trình nghiên cứu dạng thể này ở Việt Nam trên lĩnh vực tôn giáo là một lĩnh vực mà rất tiếc, chưa khai thác được nhiều từ phía các học giả Việt Nam. Bởi vậy, các tư liệu phần đa khai thác từ ngôn ngữ khác. Công trình Việt Nam giải thích nguồn gốc, xuất xứ hình tượng QAMNT có câu chuyện dân gian bằng thơ: *Truyện bà Chúa Ba (Nam Hải Quan Thế Âm)* (Bùi Văn Nguyên

soạn lại, 1991). Tổng hợp dạng thức Quan Âm Việt trên diện rộng như một sự thống kê các khái niệm, quan niệm tôn giáo, như cuốn *Bồ tát quán thế âm trong các chùa vùng đồng bằng sông Hồng* (Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Duy Hình, 2004); khai thác ý nghĩa chuyển tải qua các hình thức khảo tả, giới thiệu các pho tượng Quan Âm như những phát hiện mới về khảo cổ học: *Bước chuyển đổi phong cách từ Quan Âm chùa Hội Hạ đến tượng Quan Âm chùa Bút Tháp* (Hà Bắc) (Nguyễn Đăng Khoa, 1995); *về pho tượng QANMNT đứng ở chùa Kim Tương* (TS. Nguyễn Quốc Hùng, 2005); *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam* (Nguyễn Duy Đăng, 2001), hay các luận án tiến sỹ lịch sử *Di tích chùa Bối Khê* (Nguyễn Quốc Tuấn, 2001), *Chùa Bút Tháp* (Bùi Văn Tiến, 1997)... Các công trình nghiên cứu nước ngoài giải nghĩa tên gọi, truyền thuyết, sự phát triển thờ cúng đến quá trình hình thành và chuyển đổi dạng thức từ nam Thần sang nữ Thần: *Introduction étude d'Avalokitésvara* (Marie-Therese De Mallmann, 1967); *Avalokitésvara / Kouan yin - exemple de transformation d'un dieu en déesse* (tr.17-80) (Rolf A.Stein, 1986); *Kuan yin- Chinese transformation of Avalokitésvara* (Chun-Fang-Yu, 2004). Các bộ từ điển Phật giáo đề cập đến việc định nghĩa tên của Quan Âm gồm: *Dictionnaire encyclopédique du bouddhisme* (Philippe Cornu, 2001); *Encyclopadia of Buddhism - volume II* (Buswell, Robert, 2004); Tác phẩm bàn về nguồn gốc, tính cách, sự thích ứng (địa phương hóa) hình tượng Phật, Quan Âm và tín ngưỡng thờ cúng gồm: *Các vị thần trong Phật giáo Trung Quốc* (Mã Thư Điền, 2000); *Worship of Guanyin in China* (Patricia Eichenbaum Karetzky, 2004).

1.1.2. Các nghiên cứu về hình tượng Quan Âm với tư cách như một đối tượng NT trong Mỹ thuật tôn giáo :gồm có các công trình nghiên

cứu về tượng QANMNT ở Việt Nam như *essais sur l'art Annamite* (Bezacier Louis, 1944); *Connaissan du Vietnam* (Pierre Huard, Maurice Durand, 1954), và hàng loạt những bài viết, những phát hiện khảo cổ ở Việt Nam được đăng trong cuốn BEFEO (Buletin d'école Française Extrême Oriental) của nhiều nhà nghiên cứu người Pháp khoảng đầu Tk XX.

Các nghiên cứu về nội dung, ý nghĩa biểu đạt qua hình thức thể hiện thường chủ yếu khai thác « tiếng nói ý niệm» - ẩn ý - và « tiếng nói về hình » - hình thức biểu hiện bên ngoài : *Mỹ thuật của người Việt* (Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, 1989); *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt* (Trần Lâm Biền, 1993); khảo tả những pho tượng QANMNT tiêu biểu từng niên đại và bước đầu nhận định giá trị tạo hình cũng như giá trị biểu tượng về nghệ thuật truyền thống của người Việt đồng tác giả: *Chùa Việt* (Trần Lâm Biền, 1996), *Một con đường tiếp cận lịch sử* (Trần Lâm Biền, 2000); giới thiệu, hệ thống hóa, khai thác hình thức biểu đạt về lĩnh vực nghệ thuật học như *Nghệ thuật Phật giáo Bút Tháp* (Phan Cẩm Thượng, 1996). Và tiếp theo sau còn nhiều công trình nghiên cứu thiên về khảo tả và giới thiệu hình thức thể hiện của một số pho Quan Âm tiêu biểu, có niên đại chính xác như một loạt cuốn sách *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*; *Sáng giá chùa xưa - mỹ thuật Phật giáo*; *Văn hoá Việt Nam nhìn từ Mỹ thuật.*(cổ PGS. Chu Quang Trứ, 2009 -2001). Ngoài ra còn nhiều bài viết chuyên khảo khác trên mạng internet: *Về pho tượng nổi tiếng QANMNT chùa Bút Tháp* (Lê Đình Quý); công trình liên kết giữa kiến trúc với điêu khắc Phật giáo, khẳng định vai trò, mục đích « siêu việt hóa thế giới ảo tưởng » của Phật pháp hướng tới « niết bàn hoặc chân như »: *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo* (Robert E.Fisher, 2002);

định dạng các hình tượng đó, đồng thời phân tích ý nghĩa Phật pháp qua các thể loại tượng, các biểu tượng của nhà Phật, các thể dáng, thể tay kết ấn... : *tranh tượng và thần phở Phật giáo* (Louis Frédéric, 2005); tổng quát về hình ảnh, thể loại tranh, tượng Phật giáo để giải thích nguồn gốc, hình thức thể hiện, nét đặc trưng thờ cúng ở các quốc gia có đạo Phật phát triển: *Tìm hiểu mỹ thuật Phật giáo* (Merher McArthur, 2005)

1.2. Một số khái niệm có liên quan

1.2.1. Trí tuệ tạo hình: là tổng hợp của nhiều yếu tố : sao chép hình tượng, kinh nghiệm đúc kết, linh hoạt ứng biến trong hoàn cảnh thực tế, cảm quan về nghệ thuật của những nghệ nhân dân gian Việt. Đây là khái niệm đồng nhất giữa tư duy tạo hình, thẩm mỹ tạo hình và sự chuyển tải của hệ biểu tượng

1.2.2. Nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí: thể hiện sống động thế giới khách quan, thế giới tâm hồn của con người thông qua các hình tượng nghệ thuật (thế giới có thực và thế giới hư cấu). Nghệ thuật trang trí tái tạo lại hình dáng của một vật mẫu từ tự nhiên để lựa chọn và cách điệu hình thể trong thủ pháp đơn giản, cường điệu hóa gạn lọc các chi tiết thừa mà vẫn giữ đặc điểm riêng của đối tượng được mô tả

1.2.3. Mỹ thuật tôn giáo: là sự thống nhất hữu cơ giữa các yếu tố tạo hình nhằm truyền đạt được ý đồ tư tưởng, đức tin trong tâm linh của các tín đồ, làm sống dậy các hình tượng thần thánh trong các thế giới tưởng tượng, phục vụ hiệu quả cho các chức năng và mục đích của tôn giáo.

1.3. Những vấn đề liên quan đến khái niệm QANMMNT

1.3.1. Từ Quán Thế Âm Bồ Tát đến Quán Âm nghìn Mắt nghìn Tay: Hình tượng Quán (Thế) Âm Bồ Tát (xuất hiện khoảng Tk I hoặc Tk II sau Công nguyên) được duy trì, phát triển và thờ cúng rộng rãi..

Tín ngưỡng thờ Quan Âm này đa phần tập trung ở nhiều nước thuộc Đông Á và Đông Nam Á, QANMNT là một trong số các dạng hóa thân của Quan (Thế) Âm và được ưa chuộng thờ cúng tại một vài quốc gia như : Trung Quốc, Nhật bản, Hàn Quốc, Việt Nam

1.3.2. Những truyền thuyết về QANMNT: Truyền thuyết về Quan Âm ở Hương Sơn đầu Tk VII có từ Ấn Độ, được coi như một bản duy nhất. Do vậy các câu chuyện khác về QANMNT chỉ là sự vay mượn (dị bản). Truyền thuyết lan truyền ở một số quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam là câu chuyện về công chúa Miao-chan (ở Việt Nam là nàng công chúa Ba).

Tiểu kết

Hình tượng QANMNT từ trước đến nay đã là một vấn đề nghiên cứu có lịch sử lâu dài trên thế giới và Việt Nam. Các tác phẩm gần như tiếp cận từ: Phật giáo học và Nghệ thuật học. Tuy nhiên, khi xem xét hình tượng này dưới góc độ ngôn ngữ biểu đạt của NTTH, có thể nói còn có nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ chưa khai thác hết, đã gợi hướng đi mới cho luận án này.

Quán (Thế) Âm Bồ Tát (Avalokitesvara), theo tiếng Phạn cổ Avalokitesvara, ghép từ hai từ Avalokita và Isvara. Dịch nghĩa là: người có khả năng nghe, quan sát thế giới và cứu khổ cứu nạn. Hình tượng QANMNT được tôn thờ tại ở Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và Triều Tiên dưới dạng nữ thần. Việc lựa chọn cái tên khá nôm na Quán Thế Âm nghìn Mắt nghìn Tay (ngắn gọn là QANMNT) gọi theo dân gian, luận án nhằm chỉ các dạng tượng Quan Âm có nhiều hơn 2 tay.

Truyền thuyết về QANMNT thể hiện tính chất dị bản trong VHDG, không chỉ tồn tại trong một số nước theo đạo Phật, được « địa phương

hóa » mà còn là đề tài trong Hindu giáo, liên kết các vị thần trong tôn giáo này với hình tượng QANMNT.

Chương 2

PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ PHONG CÁCH THỂ HIỆN TƯỢNG QUAN ÂM NGHÌN MẮT NGHÌN TAY TK XV - XVIII Ở MỘT SỐ CHÙA THUỘC CHÂU THỔ SÔNG HỒNG

2.1. Phật giáo và sự phát triển tín ngưỡng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay của người Việt

2.1.1. Phật giáo ở Việt Nam: đã tác động đến hầu hết các mặt trong đời sống xã hội, nhờ sự tương đồng giữa bản tính thích thờ cúng thần linh của người Việt và tư tưởng Đạo Phật hướng về sự giải thoát (diệt khổ). Tinh thần « nhập thế tùy duyên bất biến » và quan niệm Phật pháp đã khiến đạo Phật ở Việt Nam luôn có chỗ đứng vững vàng trong lòng người dân Đại Việt.

2.1.2. Tín ngưỡng thờ QANMNT ở Việt Nam: hiện tượng thờ cúng QANMNT ở Việt Nam là sự dung hòa giữa các tông phái: Tịnh Độ Tông và Mật Giáo. Luận án cho rằng tục thờ nữ thần bản địa ở Việt Nam (thờ Mẫu) và tính đại chúng của đạo Mẫu (những nhân vật nữ có thật được tôn thờ và thần thánh hóa như người bảo hộ hay trị bệnh) đã làm cho sự thu nhận hình thức thờ (Phật Bà) Quan Âm được dễ dàng. Việc xuất hiện một người nữ trong vai trò cứu nhân độ thế ở đạo Phật, với tính chất từ bi hi xả và khả năng biến hóa thành nhiều hóa thân của Quan Âm đã giúp cho hình tượng này hiện thân như một « nữ thần bản

địa » của người Việt, trong đó chế độ mẫu hệ chỉ là tác nhân nhỏ trong việc “thu nhận” hình tượng Quan Âm này. Nhìn vào tiến trình phát triển tín ngưỡng thờ Quan Âm trong lịch sử, từ ý nghĩa của chùa Một Cột cho đến ba tấm bia thời nhà Trần gợi mở về dấu vết của sự tôn thờ Quan Âm, thời kỳ Phật giáo bị cấm đoán (Lê sơ) mà về thực chất, đối với tầng lớp thống trị, Nho giáo để củng cố địa vị, và Phật giáo lại có thể củng cố phần tâm linh của chính giai tầng này. Vì thế, dưới hình thức này hoặc hình thức khác, Phật giáo vẫn được duy trì. Hình tượng Bồ tát đã lùi dần về nông thôn tạo nên một dòng tín ngưỡng dân gian nơi làng quê Việt. Nhờ vậy, tín ngưỡng thờ Quan Âm nhanh chóng được phát triển ở các Tk sau, đặc biệt thịnh hành vào thời nhà Mạc, rồi hậu Lê, chỉ mờ dần khi các đạo phái khác bắt đầu bén rễ như dòng tôn giáo đến từ phương Tây: đạo Thiên Chúa.

2.2. Dạng thức tạo hình tượng Quán Thế Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay Tk XV - XVIII (trong một số ngôi chùa thuộc châu thổ Sông Hồng)

2.2.1. Tượng QANMNTTK XV- thời kỳ Nho giáo lấn át Phật giáo: Quan Âm Nam Hải chùa Thượng Phúc hay còn gọi là chùa Cung Kiệm) thuộc xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc Ninh. Có thể nói đây là một pho Quan Âm Nam Hải sớm nhất hiện còn lưu giữ được. Cho thấy, nghệ thuật điêu khắc Lê sơ vẫn còn có những hạn chế nhất định.

2.2.2. Tượng QANMNT nhà Mạc (Tk XVI)- giai đoạn tiền đề của tư duy thương mại quốc tế: các tượng tiêu biểu là các pho Quan Âm Nam Hải chùa Hội Hạ (hiện lưu giữ tại BT mỹ thuật Việt Nam), chùa Bối Khê (xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội) và QANMNT chùa Đào Xuyên (thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội). NTTH truyền thống

giai đoạn này kết hợp với sự ra đời của dòng điêu khắc dân gian đình làng, đã đánh dấu sự phát triển rực rỡ của nghệ thuật tạo tác tượng QANMNT Việt

2.2.3. *Tượng QANMMNT giai đoạn thương nghiệp hưng thịnh (nghệ thuật dân gian phát triển mạnh mẽ)*: tượng tiêu biểu là QANMNT chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) và Quan Âm chùa Tam Sơn (xã Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh). NTTH giai đoạn này là sự kết hợp giữa kinh doanh và tín ngưỡng thờ vị thần che chở, phù hộ cho công việc làm ăn thuận lợi hơn

2.2.4. *Tượng QANMNT giai đoạn thương nghiệp giảm sút (bùng nổ của nghi lễ và lễ hội Phật giáo)*: các pho tượng tiêu biểu gồm tượng QANMNT chùa Mễ Sở (Văn Giang, Hưng Yên), Quan Âm Nam Hải đứng chùa Từ Am (Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội), pho QANMNT chùa Kim Liên (Nghị Tàm, Hà Nội), Quan Âm Nam Hải chùa Kiêu Kị (Gia Lâm, Hà Nội). Phong cách nghệ thuật tạc tượng đã tiến triển theo chiều hướng mới, bùng nổ, về tinh thần nhân đạo, hình thức hài hòa, lộng lẫy.

2.3. Nhận định chung về phong cách tạo tác tượng QANMNT vùng châu thổ sông Hồng Tk XV- XVIII

2.3.1. *Về đặc trưng sắp đặt tượng QANMNT của người Việt vùng châu thổ sông Hồng*: sự sắp xếp Mạn đà la như một dạng đàn tràng trong ngôi chùa Việt. Đặc biệt rõ nét trong các chùa thờ Quan Âm. Và không gian chùa làng còn được coi như một bảo tàng thu nhỏ về cách thức sắp đặt tượng và đồ thờ cúng.

2.3.2. *Về các nghi vật và tư thế kết ấn*: Các cánh tay hầu như tạo tác với các khối tròn, mềm mại, để trần, các ngón thon dài, theo những động tác (kết ấn) có chủ định, hoặc cầm những vật báu của nhà Phật (nghi vật), cổ tay thường đeo vòng... nghi vật chủ yếu là: con ốc, bình nước Cam lồ, bảo tháp, chùy nhỏ, bánh xe luân hồi, gương báu, dải lụa, đám mây ngũ sắc, vòng ngọc... đôi khi cầm những pháp khí như mũi tên, sừng tê... các bàn tay khác thường kết ấn mà thủ ấn thấy nhiều nhất là ấn Cam lồ. Tư thế kết ấn chủ yếu: Liên hoa hợp chướng ấn, ấn Thiền định, ấn Chuẩn đề, ấn Gia trì bổn tôn, ấn Vô úy (thường thấy ở cánh tay nhỏ kết lại thành vòng hào quang), ấn Cam Lồ, ấn Thuyết pháp, thường có một đôi tay duỗi thẳng trên đùi, một bàn tay để ngửa, một bàn tay úp, hoặc hai bàn tay ngửa và cầm một nghi vật (chưa xác định được). Pho tượng có đôi tay phở lể sau lưng (chùa Mễ Sở) là một dạng thức khá đặc biệt và độc đáo.

2.3.3. *Về đặc điểm riêng của phong cách tạo hình các niên đại* : không có sự thay đổi một cách rõ rệt mà là sự chuyển đổi nối tiếp trên nền các phong cách trước đó. Những thay đổi chỉ là sự thêm bớt các chi tiết cho phù hợp với hoàn cảnh khách quan, có tạo nét riêng chứ không copy hoàn toàn, chính vì thế sự phân định rõ ràng, khác biệt trong phong cách các giai đoạn này hầu như nằm ở những yếu tố chi tiết mà không mang tính đại thể.

Tiểu kết:

Quá trình phát triển tín ngưỡng thờ QANMNT ở Việt Nam cho thấy dù đạo Phật có lúc thịnh, suy nhưng người Việt vẫn luôn duy trì dưới các hình thức khác nhau. Đây là sự pha trộn giữa tín ngưỡng bản địa với tính chất Phật pháp, và được «Việt hóa» mang dấu ấn tam giáo đồng

nguyên. Hình thức tạo tượng thờ, bên cạnh những yếu tố khách quan khác, sự biến đổi phong cách còn có mối liên quan mật thiết với những thăng trầm của hoạt động giao lưu thương mại trên biển Đông

Dạng thức QANMNT người Việt thể hiện tính chất linh hoạt, dễ thích nghi, tập trung khai thác tính chất từ bi, hiền hậu. Cách bố trí tượng thờ trên Phật điện vận dụng yếu tố Mạn đà la theo quan niệm về vũ trụ quan và nhân sinh quan. Các cánh tay lớn, nhỏ, các họa tiết trang trí thể hiện tín ngưỡng coi QANMNT như vị thần phù hộ cho hoạt động thương mại.

Chương 3

TƯ DUY TẠO HÌNH, THẨM MỸ TẠO HÌNH VÀ HỆ BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO Ở TƯỢNG QUAN ÂM NGHÌN MẮT NGHÌN TAY CỦA NGƯỜI VIỆT TK XVI - XVIII

3.1. Quan niệm dân gian Việt về hình tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay

Sự phát triển tín ngưỡng thờ Quan Âm và sự có mặt gần như hầu khắp của tượng QANMNT trên Phật điện chùa Việt cho thấy trong thế giới tâm linh, trong tâm thức của người Việt, hình tượng QANMNT được coi như một biểu tượng của sự cảm thông, chia sẻ và cứu vớt chúng sinh.

3.2. Tư duy tạo hình QANMNT của người Việt

3.2.1. *Nguyên tắc tạo tác tượng Phật*: nghệ nhân xưa dựa trên những qui chuẩn chung về tượng thờ, kết hợp với trực quan và kinh nghiệm làm nghề để tạo nên « cái chuẩn » trong tạo tác. Luận án đặt ra

vấn đề tại sao các nghệ nhân làng nghề truyền thống, đã được biết đến tỷ lệ chuẩn của con người trong giải phẫu tạo hình mà vẫn sử dụng các phương pháp truyền lại đến nay? Nghiên cứu cho thấy các kinh nghiệm đó có tính tổng hợp, có sự khéo léo, tinh tường trong kỹ thuật chế tác, chú trọng tới kết cấu, bố cục tượng, từ động tác đến dáng hình, khiến tượng luôn được đặt trong thế vững chắc, cân đối trong toàn cục. Không chỉ tiết như qui chuẩn tạo tác có sẵn mà mang tính khái quát và khá đơn giản với sự sáng tạo phép đo là « đầu » thay vì phép đo là « ngón ». Biểu hiện của tư duy và quan niệm thẩm mỹ tạo hình của người Việt cho phép những thay đổi nhất định tùy theo hoàn cảnh, nên rất hiếm gặp những pho tượng có phong cách giống nhau. Kết hợp thêm quá trình, những nguyên tắc cần thiết để pho tượng mang tính chất linh thiêng, có phần « hồn » đã khiến hình ảnh QANMNT của người Việt mang tính tượng trưng, hài hòa trong tổng thể, trái với tư duy logic, phân tích cụ thể trong quan niệm thẩm mỹ của nghệ thuật phương Tây.

3.2.2. *Quan hệ giữa thẩm mỹ tạo hình QANMNT của người Việt với cơ sở sáng tạo cái đẹp trong mỹ thuật:* Tư duy tạo hình của người Việt không chỉ thể hiện ở sự thay đổi sáng tạo trong qui tắc tác tượng mà còn biểu hiện được mối quan hệ giữa thẩm mỹ tạo hình với cơ sở sáng tạo cái đẹp. Điều này biểu hiện qua 4 yếu tố : tính cân bằng, ý tưởng sáng tạo, tính cận nhân tình và chủ thể sáng tạo. Ở tượng QANMNT, không gian mang xu hướng trừu tượng, không theo luật viễn cận mà gọi lên một không gian siêu hình, thuần túy như một không gian tự thức. Trong không gian kín của chùa, hàng ngàn cánh tay dường như đã tạo nên một bố cục chỉnh thể, một sự cách điệu về các chi tiết: vòng hào quang, những cánh tay lớn nhỏ, các con mắt khắc chìm... là những yếu tố khiến

người xem luôn rung cảm trước hình ảnh vừa cụ thể, vừa mang tính trừu tượng và siêu thực này.

Luận án cho rằng tư duy tạo hình của người Việt không bị chi phối hoàn toàn bởi thực tế quan sát được, mà luôn đi theo cách thức kết hợp giữa quan sát và thâm nhập hình khối vào trí nhớ, để từ đó, thông qua tư duy tạo hình mà sáng tạo. Sự thể hiện ý thức về trang trí kết hợp với đặc trưng loại hình tượng thờ (tập trung tạo tác từ phía chính diện) giúp cho hình không bị rời rạc mà có sự liên kết chắc chắn. Sự đối xứng, mềm mại cả về hình dáng, nhịp điệu và nếp gấp đã trở thành những họa tiết trang trí đẹp, làm nhẹ đi khối tượng tổng thể. Các hình thức trang trí này không hề bị nệ thực ở khối, mảng hay đường nét mà dựa vào chủ quan của người tạo tác, đã chứng minh rằng nghệ thuật tượng QANMNT xuất phát từ nguồn cảm thức cái đẹp của con người. Trong đó người nghệ nhân dân gian tựa như vai trò của người nghệ sỹ, một trong những yếu tố tạo nên nét đặc thù về phong cách thể hiện tượng QANMNT của người Việt Tk XV- XVIII.

3.3. Thẩm mỹ tạo hình tượng QANMNT của người Việt

3.3.1. Dạng thức phù điêu nổi (deux tiers-ronde) và động- tĩnh trong kết hợp các ngôn ngữ tạo hình của nghệ thuật tạc tượng QANMNT Tk XVI- XVIII: tượng thờ QANMNT thường được diễn tả và sắp xếp bố cục bình dị với nhiều khối lồi lõm trên cơ thể, đan xen giữa các đường nét. Khuôn mặt được thể hiện với những hình khối đơn giản, nhẹ nhàng, tập trung suy tưởng nhưng mang đầy khí chất về tinh thần, thể hiện tính triết học và lý tưởng hóa cao. Cơ thể thường ngồi thẳng, bất động, trầm mặc nhưng chứa đựng sự vận động nội tâm rất lớn, biểu thị chức năng cứu khổ cứu nạn của QANMNT. Nghiên cứu dạng thức

tượng cho thấy hầu hết không mô tả không gian thực - do cần phải gắn kết với không gian kiến trúc, mà vận dụng tính chất gần như « phù điêu nổi », hình tượng hầu như được tạo tác tập trung ở phía trước, tạo hình thiên về sự cách điệu, cường điệu, và đơn giản hóa như tạo sự đối xứng giữa các cánh tay với thân tượng, phá cách trong việc tạo những hình, mảng, khối không đều nhau nhưng lại gợi được sự cân bằng về bố cục, hình thể.

Thẩm mỹ tạo hình trong tạo tượng QANMNT thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn, rất độc đáo về tương phản động – tĩnh giữa các yếu tố tạo hình như mối quan hệ giữa khối thực - ảo, chuyển động “nổi” của các cánh tay chính, phụ trong vòng tròn hào quang, tương tác giữa không gian và hình thể gợi sự liên tưởng, động tĩnh trong thay đổi nhịp điệu của nếp áo, chiều hướng các cánh tay, các chi tiết trên khuôn mặt.

3.3.2. Sự kết hợp âm- dương trong bố cục và kết cấu tượng QANMNT: yếu tố Tam tài và Ngũ hành được biểu hiện ở hầu hết hệ tượng: luận án này chúng tôi cũng đặt ra giả thuyết về sự đồng dạng trong tạo hình dạng tượng QANMNT với mô hình kiến trúc của chùa Diên Hựu (chùa Một Cột); sự liên cảm đến hình thức kết hợp giữa linga và yony trong nghệ thuật Chăm pa; kết cấu của tượng QANMNT của người Việt cho thấy QANMNTT luôn ở vị trí trung tâm ($2+3=5$) trong quan niệm ngũ hành

3.4. Trí tuệ tạo hình QANMNT của người Việt thể hiện qua hệ biểu tượng Phật giáo

Hệ biểu tượng ở QANMNT tập trung chủ yếu ở số lượng tay, kiểu kết án, ý nghĩa các nghi vật, kiểu ngòai, vầng hào quang, vòng miện đội đầu, bệ (tòa sen, quỹ đội tòa sen trên mặt biển). Sự vận dụng trí tuệ tạo

hình thể hiện ngay trong việc tính sao cho số lượng tay vừa phải ăn khớp với tượng, bố cục hợp lý cho tổng thể tượng, sự linh thiêng đồng thời vẫn tạo được vẻ đẹp tạo hình.

Trục thông Tam giới trong bố cục tượng QANMNT, phần dưới thuộc về lãnh địa của những thế lực xấu xa, của những linh hồn trong thế giới địa ngục. Và hình tượng con quỷ tay nâng tòa sen vượt qua biển cả cũng có ý nghĩa tượng trưng cho thế lực hắc ám và hình tượng Quan âm trên tòa sen là sự đối nghịch, tương phản lại với ý nghĩa này.

3.5. Nghệ thuật tạo hình QANMNT của người Việt trong tương quan với một số nước trong khu vực

3.5.1. Nét tương đồng trong phong cách tạo tác

Ở một số nước Đông Á và Việt Nam là các nước Phật giáo Bắc truyền, có chung ảnh hưởng Phật giáo Ấn Độ, và Quan Âm mang giới tính nữ. Cùng có tạo hình chau chuốt ở các cánh tay, bàn tay chi tiết các cánh tay được tạo tác tròn trịa, thiên về khối tròn. Có kết hợp các yếu tố âm dương trong phong cách biểu đạt khối cũng như phương thức sắp xếp các biểu tượng Phật pháp. Ở các nước Đông Nam Á, do sự khác nhau về Phật giáo Nam truyền, nên tạo tác chỉ tương đồng về tính ý niệm, không nệ thực trong phong cách. Và ở các nước nói trên, phong cách tạo tác Quan Âm đều có tính trang trí cao.

3.5.2. Sự khác biệt trong phong cách

Sự khác nhau về địa văn hóa, dạng thức Phật truyền khiến hình tượng QANMNT ở các nước Đông Á và Việt Nam tuy có chung nguồn gốc nhưng phong cách thể hiện tinh thần dân tộc rất khác nhau. Ở các nước thuộc Đông Nam Á, nghệ thuật tượng Quan Âm đơn giản hơn do không có hình tượng QANMNT, mà chỉ có trong hình ảnh các vị thần Hindu giáo (Chăm pa)

Tiểu kết:

Trí tuệ tạo hình của người Việt là sự thống nhất giữa tư duy tạo hình với thẩm mỹ tạo hình và hệ các biểu tượng tôn giáo. Trong đó, tư duy tạo hình của người Việt là sự đúc kết kinh nghiệm tạo tác tượng của người nghệ nhân, nghệ sỹ dân gian. một cách rất trù tượng nhưng hết sức cụ thể và dễ hiểu.

Thẩm mỹ tạo hình của người Việt là sự sáng tạo mang nhiều yếu tố của nghệ thuật trang trí « nổi » với lối đơn giản hóa các chi tiết trong bố cục tổng thể. Sự sắp đặt thực - ảo làm cho tượng QANMNT « động » hơn trong không gian tĩnh tại của ngôi chùa. Cách vận dụng hệ biểu tượng để truyền tải nội dung, giáo lý tư tưởng Phật giáo làm nổi bật tư thế kết ấn của bàn tay, các nghi vật, mô típ trang trí trên bề tượng, hình ảnh đầu quý đội tòa sen và cánh sen. So sánh, đối chiếu phong cách tạo tác hình tượng Quan Âm Việt với một số quốc gia có sự thờ cúng tương ứng, cho thấy sự độc đáo về phong cách biểu đạt ở mỗi quốc gia và khẳng định hơn phong cách tạo tác đặc thù không quá gò ép theo hình tượng trong kinh sách, điều này còn chứng tỏ những chủ thể sáng tạo luôn chìm đắm trong tính chất cộng đồng người Việt đã mang cốt cách nghệ sỹ bên cạnh cốt cách nghệ nhân dân gian.

KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu về Phật giáo từ lâu đã là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam khai thác. Trong đó, hình tượng Quan Âm nói chung và QANMNT hầu hết được tiếp cận theo giải thích tín ngưỡng và định giá trị nghệ thuật, giá trị niên đại và lịch sử. Việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trên theo hai hướng tiếp cận, luận án này muốn đưa ra một cái nhìn tổng quát về các thành tựu đã có trong lĩnh vực phân tích thành tố của hình thái tín ngưỡng Phật giáo.

Tổng hợp khái niệm về thuật ngữ mới trên phương diện lý thuyết, quan niệm dân gian hay truyền thuyết về hình tượng QANMNT là một cách thức làm sáng tỏ những vấn đề về mỹ thuật học, về ngôn từ mà luận án đề cập đến.

2. Những suy luận từ địa văn hóa – tâm thức người Việt – bản chất của đạo Phật - lịch sử hình thành cho thấy đạo Phật và tín ngưỡng thờ cúng QANMNT ở Việt Nam là sự pha trộn giữa văn hóa bản địa và văn hóa Phật giáo. Quá trình hình thành, phát triển dạng thức tượng QANMNT liên quan đến thịnh suy của đạo Phật, có mối quan hệ chặt chẽ với những thăng trầm của thể chế chính trị, sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa thương mại, đặc biệt là giao thương trên sông nước. Như vào Tk XV, đạo Phật bị Nhà nước ngăn cấm nên giá trị nghệ thuật của tượng QANMNT mang tính chất sơ khai và nghèo về chất liệu cũng như tư duy tạo hình. Tk XVI, XVII đạo Phật được phục hồi, nền kinh tế thương nghiệp hình thành, phát triển cực thịnh với các trung tâm buôn bán sầm uất tại kinh đô và ở một số cửa biển : Hội An, phố Hiến, Kẻ Chợ nên nghệ thuật tượng QANMNT đạt tới đỉnh cao và mang đặc trưng phong cách dân gian. Tk XVIII, tượng QANMNT bắt đầu xuất hiện sự

rườm rà, cầu kỳ và yếu tố ngoại lai trong chi tiết. Cho thấy nghệ thuật Phật giáo thiếu chỗ dựa về kinh tế, xã hội. Phản ánh trung thực sự « rối trí » của người Việt trong thời kỳ khủng hoảng, nền kinh tế giảm sút, xã hội bất ổn do sự tranh chấp quyền lực của Vua Lê chúa Trịnh.

Luận án thống kê, phân loại các tượng QANMNT theo niên đại dựa trên các yếu tố hình thể, chi tiết trang trí... để nhận định rằng : nghệ thuật tạo tượng QANMNT có thể khác nhau ở quan niệm thẩm mỹ từng thời đại, song phong cách thể hiện không rõ ràng cụ thể bởi nó là sự nối tiếp trên nền phong cách trước.

3. Trí tuệ tạo hình của người Việt là sự kết hợp giữa ý nghĩa Phật pháp với yếu tố tạo hình trong những hình tượng đa dạng và phong phú. Luận án nêu ra sự hội tụ ở tư duy tạo hình, thẩm mỹ tạo hình và giá trị tâm linh trong pho tượng. Trong đó, ngôn ngữ trừu tượng của thế giới ý niệm được người nghệ nhân thể hiện ở dạng phù điêu « nổi » theo hai phần ba chiều của không gian (deux- tiers ronde) phía trước. Điều đáng chú ý là nghệ thuật tượng QANMNT kết hợp với yếu tố trang trí dân dã trong nghệ thuật chạm khắc đình làng cùng giai đoạn đã tạo nên giá trị đặc trưng và khác biệt trong nghệ thuật tạo tác. Nhờ đó, tư duy và thẩm mỹ tạo hình của người Việt mang tính ý niệm, tượng trưng và có tính khái quát cao.

Trong tư duy tạo hình, người nghệ nhân dân gian đã thoát ra khỏi các quy tắc tạo tác cứng nhắc của tôn giáo, tìm được lối thể hiện riêng vượt qua những quy định bó buộc về động tác, dạng thể, kích thước, đôi khi cả cách trang phục và các đặc tính cơ bản của dạng thức tượng QANMNT, nhờ đó, hình tượng có sự gắn gũi trong tâm tư, tính cách, và quan niệm sống của người Việt. Họ thể hiện tư duy, trí tuệ trong tạo tác

tượng QANMNT, bằng cách vận dụng linh hoạt, biến hóa các nguyên tắc tạo tác tượng Phật giáo kết hợp với những kinh nghiệm tích lũy như sự « thuận mắt » (thực chất là tính cân bằng về tâm lý thị giác), sự khéo léo, tinh tường trong kỹ thuật chế tác đã tạo nên thành công trong chức năng truyền tải trực tiếp phần trừu tượng vô hình đến với tâm thức của người hành hương.

4. Tư duy tạo hình của người Việt là khả năng tiếp cận, thích ứng, vận dụng tư duy Phật giáo trong dạng thức « hô thần nhập tượng » khiến tượng trở nên linh thiêng và có « thần », cách bố trí sắp đặt hệ tượng trong chùa có tác dụng tạo không gian huyền bí: cách thức kết hợp giữa quan niệm về Tam thân và hình đồ Mạn Đà La trong Mật giáo, khiến ngôi chùa không còn giới hạn ở chức năng thờ cúng mà còn mang dạng thức « nghệ thuật sắp đặt » của các yếu tố trong không gian chùa.

Qui chiếu cơ sở sáng tạo cái đẹp trong tạo hình với tư duy tạo hình của người Việt cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa lý luận mỹ học với hình thức tạo tác ở sự cân bằng trong bố cục hình thể, đồng nhất trong nhìn nhận về ý tưởng sáng tạo, tương đồng trong chức năng phục vụ đời sống, tâm tư, tình cảm của người dân và gắn liền với cốt cách nghệ sỹ trong khả năng sáng tạo, trong tinh thần cộng đồng của những người nghệ nhân dân dã nhưng chứa đựng sức biểu cảm rất cao.

5. Thẩm mỹ tạo hình của người Việt mang tính trang trí và có nét siêu thực trong họa tiết trang trí, không bị nệ thực ở khối, bởi cách thức tạo tác kết hợp giữa quan sát và trí nhớ. Qua quan sát, phân tích cho thấy tính trang trí thể hiện trong sự xung đột đối chọi giữa khối đặc, khối rỗng từ con mắt và bàn tay ở vàng hào quang; giữa chuyển động nổi của các cánh tay lớn với khuôn mặt và thể dáng trầm tư; sự chuyển

hoán đổi lập giữa các hình khối và chiều hướng của đường nét (tập hợp các nét tròn mềm mại với các nét gãy khúc, vươn lên cao của các cánh tay). Tính chất siêu thực trong các họa tiết, chi tiết trang trí ở yếu tố động – tĩnh, thực - ảo giữa khối thực và cấu trúc bên trong của khối (khối ảo); giữa không gian và hình thể; giữa ánh sáng - tượng thờ và các tín đồ; giữa chất liệu và màu sắc; Điều này có thể thấy rõ sự thiếu lệch của chúng khi bức tượng đặt trong không gian khác như bảo tàng, bộ sưu tập tư nhân. Chính tính chất siêu thực ấy đã gợi sự liên tưởng thống nhất các pho tượng với không gian chùa và làm nên nét riêng về thủ pháp tạo hình của người Việt.

6. Trí tuệ tạo hình tượng QANMNT của người Việt thể hiện « ngôn ngữ ý niệm » tạo sự đồng nhất giữa vẻ đẹp hình thức với « vẻ đẹp tâm linh » nhờ hệ biểu tượng Phật giáo. Như lối bố cục tượng theo quan niệm trục ba tầng trong Tam giới; hình thức biểu đạt âm dương xuyên suốt trong thủ pháp tạo hình, lối bố cục và kết cấu tượng thờ theo quan niệm Tam tài và Ngũ hành, thiên về số lẻ (số lượng tay của Quan Âm là số lẻ trong tổng số tay mỗi bên), tượng Quan Âm Nam Hải kết cấu 3 tầng theo dạng thức: số 2 (phương Nam, hành hỏa) – số 5 (trung tâm, hành thổ) – số 3 (phương Đông, hành mộc); thể hiện theo quan niệm về sự vận động của vũ trụ thông qua bố cục hình thể qui tụ vào các khối hình vuông, lập phương, khối tròn; tạo sự tương đồng dạng thể bố cục tổng thể tượng Quan Âm Nam Hải với đặc biểu kiến trúc chùa Một Cột.

7. Văn hóa Đông Á, Đông Nam Á và Việt Nam có chung tầm ảnh hưởng từ văn hóa Phật giáo Ấn Độ và Trung Quốc đã tạo nhiều nét tương đồng trong phong cách: ưa dùng phép âm dương trong nhận thức và đời sống tâm linh ; các dạng thức tượng đứng hoặc ngồi ; số lượng

tay, thủ ấn, nghi vật ; coi hoa sen tượng trưng cho đức hạnh của Quan Âm... Tuy nhiên, sự dị biệt về vị trí địa lý, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa khiến khả năng tư duy, thẩm mỹ, Phật pháp ở mỗi dân tộc có những khác biệt trong phong cách biểu đạt.

8. Nghệ thuật điêu khắc Phật giáo người Việt thông qua hình tượng QANMNT dù cao siêu ở ý tưởng mỹ học, nhưng lại gần gũi với quần chúng, mặt khác, còn thể hiện tính dân tộc ở đặc điểm nhân chủng học mỗi vùng miền, ở kích thước vừa phải, cho thấy phong cách tạo hình không lệ thuộc dạng thức của Quan Âm Trung Quốc, vừa bộc lộ cảm xúc tạo hình, vừa bao trùm sắc thái riêng của dân tộc. Tất cả những điều nói trên như một sự gợi ý về quy trình sáng tạo nghệ thuật rất thiết thực, hữu ích. Có lẽ, đây tựa như một kim chỉ nam cho định hướng tư duy tạo hình nghệ thuật phù hợp với nghệ thuật đương đại cũng như nghệ thuật sau này, đặc biệt trong lúc nghệ thuật hiện nay dường như đang đi vào bế tắc, người sáng tác dường như coi người thường thức thiếu khả năng thẩm thấu nghệ thuật, coi nghệ thuật tạo hình như một thể loại cao siêu, xa vời, khiến hình thái sáng tạo các tác phẩm xa rời khỏi đông đảo quần chúng./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. Tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay ở bảo tàng Guimet. Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 294/ 12/2008. (tr. 99 - 103)
2. Tượng Quan Âm chùa Bút Tháp - mối tổng hòa giữa các yếu tố mỹ thuật. Tạp chí Di sản, số 1 (26)/2009. (tr 96 - 99)
3. Nghệ thuật tạo hình tượng Phật giáo cổ của người Việt trong tương quan với một số nước trong khu vực : trường hợp tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10 (115) 2009 (tr 66- 69)
4. Chuyển động của màu sắc ở tượng Quan Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay trong nghệ thuật tượng thờ chùa Việt. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số tháng 01/2010, (tr 88-90)
5. Thiên hướng "phù điêu nổi" ở tượng Quan Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt của người Việt. Tạp chí Di sản văn hóa, số 1 (30)/ 2010, (tr.102)